

BÀI HỌC TUẦN 5 TOÁN 6

BÀI 12: ƯỚC CHUNG, ƯỚC CHUNG LỚN NHẤT

1. Ước chung.

Ước chung của hai hay nhiều số là ước của tất cả các số đó.

Kí hiệu:

Tập hợp các ước chung của a và b kí hiệu là $ƯC(a, b)$.

Tập hợp các ước chung của a, b, c kí hiệu là $ƯC(a, b, c)$

Ví dụ:

$$Ư(18) = \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}.$$

$$Ư(30) = \{1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30\}.$$

$$\Rightarrow ƯC(8, 30) = \{1; 2; 3; 6\}$$

❖ **Chú ý :**

$$a : x \text{ và } b : x \Rightarrow x \in ƯC(a, b)$$

$$a : x, b : x \text{ và } c : x \Rightarrow x \in ƯC(a, b, c)$$

*** Cách tìm ước chung của hai số a và b (SGK)**

2. Ước chung lớn nhất.

Ước chung lớn nhất của hai hay nhiều số là số lớn nhất trong tập hợp các ước chung của các số đó.

Kí hiệu: $ƯCLN(a, b)$; $ƯCLN(a, b, c)$

Ví dụ :

$$Ư(24) = \{1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 24\}$$

$$Ư(30) = \{1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30\}$$

$$\Rightarrow ƯC(24, 30) = \{1; 2; 3; 6\}$$

$$\Rightarrow ƯCLN(24, 30) = \{6\}$$

❖ **Nhận xét:**

- Tất cả các ước chung của hai hay nhiều số đều là ước của $ƯCLN$ của các số đó.
- Với mọi $a, b \in \mathbb{N}$, ta có:

$$ƯCLN(a, 1) = 1; ƯCLN(a, b, 1) = 1$$

3. Tìm ước chung lớn nhất bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố.

❖ **Quy tắc:**

- **Bước 1:** Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố;
- **Bước 2:** Chọn ra **các thừa số nguyên tố chung lấy với số mũ nhỏ nhất.**
- **Bước 3:** Lập tích các thừa số đã chọn. Tích đó là ƯCLN phải tìm.

Ví dụ:

+ Tìm ƯCLN của 18 và 30.

$$18 = 2 \cdot 3^2$$

$$30 = 2 \cdot 3 \cdot 5$$

$$\text{ƯCLN}(18, 30) = 2 \cdot 3 = 6$$

+ Tìm ƯCLN(24, 60)

$$24 = 2^3 \cdot 3$$

$$60 = 2^2 \cdot 3 \cdot 5$$

$$\text{ƯCLN}(24, 60) = 2^2 \cdot 3 = 12$$

+ Tìm ƯCLN(14, 33)

$$14 = 2 \cdot 7$$

$$33 = 3 \cdot 11$$

$$\text{ƯCLN}(14, 33) = 1$$

+ Tìm ƯCLN (90, 135, 270)

$$90 = 2 \cdot 3^2 \cdot 5$$

$$135 = 3^3 \cdot 5$$

$$270 = 2 \cdot 3^3 \cdot 5$$

$$\text{ƯCLN}(90, 135, 270) = 3^2 \cdot 5 = 45$$

❖ **Chú ý :**

- Khái niệm hai số nguyên tố cùng nhau: Hai số nguyên tố cùng nhau là hai số có ƯCLN bằng 1.

Ta có : $\text{ƯCLN}(14, 33) = 1$

$\Rightarrow$ 14 và 33 là hai số nguyên tố cùng nhau.

- Trong các số đã cho số nhỏ nhất là ước của các số còn lại thì ƯCLN của các số đã cho là số nhỏ nhất ấy.

- Ta có thể tìm ƯCLN của các số đã cho bằng cách lấy số nhỏ nhất chia lần lượt cho 1; 2; 3; ... đến khi là ước của các số còn lại.

$$\text{ƯCLN}(90, 135, 270) = 45 \text{ vì } 90 : 45 \text{ và } 135 : 45$$

❖ **Cách tìm ƯC thông qua ƯCLN:**

$$\text{ƯCLN}(a, b, c) = m$$

$$\Rightarrow \text{ƯC}(a, b, c) = \text{Ư}(m)$$

❖ **Áp dụng:**

Ví dụ 4/trang 37 SGK

➤ **Phương pháp giải:**

- + **Bước 1:** Dựa vào câu hỏi gọi cái cần tìm là x (đơn vị)
- + **Bước 2:** Dựa vào các điều đề bài cho nêu mối quan hệ giữa x và các số liệu của đề bài cho.
- + **Bước 3:** Xác định dạng toán tìm x
- + **Bước 4:** Giải tìm x .
- + **Bước 5:** Kết luận trả lời câu hỏi của đề bài

➤ **Trình bày bài giải**

Gọi số nhóm có thể chia nhiều nhất được là: x (nhóm)

Theo đề bài ta có:

$$12 : x ; 18 : x \text{ và } x \text{ lớn nhất}$$

$$\Rightarrow x = \text{ƯCLN} (12, 18)$$

$$12 = 2^2 \cdot 3$$

$$18 = 2 \cdot 3^2$$

$$\text{ƯCLN} (12, 18) = 6$$

Vậy số nhóm có thể chia nhiều nhất được là 6 nhóm.

Khi đó, mỗi nhóm có:

- Số học sinh nữ là: $12 : 6 = 2$ (HS)
- Số học sinh nam là: $18 : 6 = 3$ (HS)

4. Ứng dụng trong rút gọn phân số.

- Ta rút gọn phân số bằng cách chia cả tử và mẫu của phân số đó cho một ước chung khác 1 (nếu có).

❖ **Chú ý:** Để rút gọn một phân số,, ta có thể chia cả tử và mẫu của phân số đó cho ước chung lớn nhất của chúng để được phân số tối giản

Ví dụ:

1/ $\frac{18}{30}$ chưa tối giản và $ƯCLN(18, 30) = 6$

$$\Rightarrow \frac{18}{30} = \frac{18 : 6}{30 : 6} = \frac{3}{5}$$

2/ Ta có: $\frac{3}{5}$ là phân số tối giản.

3/ Có: $ƯCLN(24, 108) = 12$

$$\frac{24}{108} = \frac{24 : 12}{108 : 12} = \frac{2}{9}$$

3/ Có: $ƯCLN(80, 32) = 16$

$$\frac{80}{32} = \frac{80 : 16}{32 : 16} = \frac{5}{2}$$

DẶN DÒ :

- Về nhà làm bài tập 2, 3, 4, 5 vào vở bài tập.
- Ghi chép bài học trên vào vở bài học
- Xem trước bài 13

HƯỚNG DẪN VÀ ĐÁP ÁN BÀI TẬP:

Bài 2 :

a) $ƯCLN(1, 16) = 1$.

b) $8 = 2^3$

$$20 = 2^2 \cdot 5$$

$$ƯCLN(8, 20) = 2^2 = 4.$$

c) $84 = 2^2 \cdot 3 \cdot 7$

$$156 = 2^2 \cdot 3 \cdot 13$$

$$ƯCLN(84, 156) = 2^2 \cdot 3 = 12.$$

d) $16 = 2^4$

$$40 = 2^3 \cdot 5$$

$$176 = 2^4 \cdot 11$$

$$ƯCLN(16, 40, 176) = 2^3 = 8.$$

Bài 3 :

a) $A = \{1; 2; 3; 6\}$

- *Nhận xét:* Ta thấy tập hợp ƯC (18, 30) = $\{1; 2; 3; 6\}$ nên tập hợp ƯC (18, 30) giống với tập hợp A.

b)

i. $24 = 2^3 \cdot 3$

$$40 = 2^3 \cdot 5$$

$$\text{ƯCLN}(24, 40) = 2^3 = 8.$$

$$\text{Vậy: } \text{ƯC}(24, 40) = \text{Ư}(8) = \{1; 2; 3; 4; 8\}.$$

ii. $42 = 2 \cdot 3 \cdot 7$

$$98 = 2 \cdot 7^2$$

$$\text{ƯCLN}(42, 98) = 2 \cdot 7 = 14.$$

$$\text{Vậy: } \text{ƯC}(42, 98) = \text{Ư}(14) = \{1; 2; 7; 14\}.$$

iii. $180 = 2^2 \cdot 3^2 \cdot 5$

$$234 = 2 \cdot 3^2 \cdot 13$$

$$\text{ƯCLN}(180, 234) = 2 \cdot 3^2 = 18$$

$$\text{Vậy: } \text{ƯC}(180, 234) = \text{Ư}(18) = \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}.$$

Bài 4 :

+ Có: $\text{ƯCLN} (28, 42) = 14$

$$\frac{28}{42} = \frac{28 : 14}{42 : 14} = \frac{2}{3}$$

+ Có: $\text{ƯCLN} (60, 135) = 15$

$$\frac{60}{135} = \frac{60 : 15}{135 : 15} = \frac{4}{9}$$

+ Có: $\text{ƯCLN} (288, 180) = 36$

$$\frac{288}{180} = \frac{288 : 36}{180 : 36} = \frac{8}{5}$$

Bài 5:

Gọi độ dài lớn nhất có thể của dây ruy băng là x (cm)

Theo đề bài ta có: $140 : x$; $168 : x$; $210 : x$ và x lớn nhất

$$\Rightarrow x = \text{ƯCLN} (140, 168, 210)$$

Ta có: $140 = 2^2 \cdot 5 \cdot 7$

$$168 = 2^3 \cdot 3 \cdot 7$$

$$210 = 2 \cdot 3 \cdot 5 \cdot 7$$

$$\text{ƯCLN}(140, 168, 210) = 2 \cdot 7 = 14.$$

Vậy độ dài lớn nhất có thể của mỗi đoạn dây ngắn được cắt ra là: 14 cm.

Khi đó, mỗi dây ruy băng có:

- Đoạn dây dài 140 cm cắt được: $140 : 14 = 10$ (đoạn).
- Đoạn dây dài 168 cm cắt được: $168 : 14 = 12$ (đoạn).
- Đoạn dây dài 210 cm cắt được: $210 : 14 = 15$ (đoạn).

Vậy số đoạn dây ruy băng ngắn chị Lan có được là:

$$10 + 12 + 15 = 37 \text{ (đoạn dây).}$$

BÀI 13: BỘI CHUNG, BỘI CHUNG NHỎ NHẤT

1. Bội chung.

Bội chung của hai hay nhiều số là bội của tất cả các số đó.

Kí hiệu:

Tập hợp bội chung của a và b là $BC(a, b)$

Tập hợp bội chung của a ; b và c là $BC(a, b, c)$

Ví dụ :

$$B(2) = \{0; 2; 4; 6; 8; 10; 12; 14; 16; 18; 20; 22; 24; 26; \dots\}$$

$$B(3) = \{0; 3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; 24; 27; 30; 33; 36; 39; \dots\}$$

$$\Rightarrow BC(2, 3) = \{0; 6; 12; 18; 24; \dots\}$$

❖ **Chú ý**

$$x : a \text{ và } x : b \Rightarrow x \in BC(a, b)$$

$$x : a, x : b \text{ và } x : c \Rightarrow x \in BC(a, b, c)$$

*** Cách tìm bội chung của hai số a và b (SGK)**

2. Bội chung nhỏ nhất.

Bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số là số bé nhất trong tập hợp các bội chung của các số đó.

Kí hiệu: BCNN (a, b); BCNN (a, b, c)

Ví dụ:

- Ta có: $B(6) = \{0; 6; 12; 18; 24; 30; 36; 42; 48; \dots\}$

$B(8) = \{0; 8; 16; 24; 32; 40; 48; \dots\}$

$\Rightarrow BC(6, 8) = \{0; 24; 48; \dots\}$

$\Rightarrow BCNN(6, 8) = 24$

- Ta có: $B(3) = \{0; 3; 6; 9; 12; 15; 18; 21; 24; 27; 30; 33; 36; 39; 42; 45; 48; \dots\}$

$B(4) = \{0; 4; 8; 12; 16; 20; 24; 28; 32; 36; 40; 44; 48; 52; \dots\}$

$B(8) = \{0; 8; 16; 24; 32; 40; 48; \dots\}$

$\Rightarrow BC(3, 4, 8) = \{0; 24; 48; \dots\}$

$\Rightarrow BCNN(3, 4, 8) = 24$

❖ **Nhận xét:**

Tất cả các bội chung của a và b đều là bội của BCNN(a, b). Mọi số tự nhiên đều là bội của 1.

Do đó, mọi a, b $\in \mathbb{N}^*$ ta có:

$BCNN(a, 1) = a; BCNN(a, b, 1) = BCNN(a, b).$

3. Cách tìm bội chung nhỏ nhất.

*** Quy tắc:**

Bước 1: Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố;

Bước 2: Chọn ra các **thừa số nguyên tố chung và riêng**(chọn tất cả các thừa số);
lấy với số mũ lớn nhất

Bước 3: Lập tích các thừa số đã chọn. Tích đó là BCNN phải tìm.

Ví dụ:

- Tìm BCNN của 12, 90 và 150.

$$12 = 2^2 \cdot 3$$

$$90 = 2 \cdot 3^2$$

$$150 = 2 \cdot 3 \cdot 5^2$$

$$BCNN(12, 90, 150) = 2^2 \cdot 3^2 \cdot 5^2 = 900.$$

- Tìm BCNN(24, 30)

$$24 = 2^3 \cdot 3$$

$$30 = 2 \cdot 3 \cdot 5$$

$$\text{BCNN}(24, 30) = 2^2 \cdot 3 \cdot 5 = 120$$

- Tìm BCNN (3, 7, 8)

$$3 = 3$$

$$7 = 7$$

$$8 = 2^3$$

$$\text{BCNN}(3, 7, 8) = 2^3 \cdot 3 \cdot 7 = 168$$

+ Tìm BCNN(12, 16, 48)

$$12 = 2^2 \cdot 3$$

$$16 = 2^4$$

$$48 = 2^4 \cdot 3$$

$$\text{BCNN}(12, 16, 48) = 2^4 \cdot 3 = 48$$

❖ Chú ý:

- Nếu các số đã cho từng đôi một nguyên tố cùng nhau thì BCNN của chúng là tích của các số đó.

$$\text{Ví dụ: } \text{BCNN}(3, 7, 8) = 3 \cdot 7 \cdot 8 = 168.$$

- Trong các số đã cho, nếu số lớn nhất là bội của các số còn lại thì BCNN của các số đã cho chính là số lớn nhất ấy.

$$\text{Ví dụ: } \text{BCNN}(12, 16, 48) = 48$$

- Chúng ta còn một cách để tìm BCNN bằng cách lấy số lớn nhất trong các số đã cho nhân lần lượt cho 1; 2; 3; 4;... đến khi nào chia hết cho các số còn lại

$$\text{Ví dụ: } \text{BCNN}(30; 40; 60) = 60 \cdot 2 = 120$$

❖ Cách tìm BC thông qua BCNN:

$$\text{BCNN}(a, b, c) = n$$

$$\Rightarrow \text{BC}(a, b, c) = B(n)$$

❖ Áp dụng:

Ví dụ 4/ trang 41 SGK:

➤ Phương pháp giải:

- + **Bước 1:** Dựa vào câu hỏi gọi cái cần tìm là x (đơn vị)

- + **Bước 2:** Dựa vào các điều đề bài cho nêu mối quan hệ giữa x và các số liệu của đề bài cho.
- + **Bước 3:** Xác định dạng toán tìm x
- + **Bước 4:** Giải tìm x .
- + **Bước 5:** Kết luận trả lời câu hỏi của đề bài

➤ **Trình bày bài giải**

Gọi số học sinh lớp đó là: x (học sinh)

Theo đề bài ta có: $x : 4$; $x : 6$ và $x \leq 42$

$\Rightarrow x \in BC(4, 6)$ và $x \leq 42$

$$4 = 2^2$$

$$6 = 2 \cdot 3$$

$$BCNN(4, 6) = 2^2 \cdot 3 = 12$$

$$\Rightarrow x \in BC(4, 6) = B(12) = \{ 0; 12; 24; 36; 48; \dots \}$$

mà $x \leq 42$

$$\Rightarrow x = 36$$

Vậy số học sinh lớp đó là 36 học sinh

4. Ứng dụng trong quy đồng mẫu các phân số.

Muốn quy đồng mẫu số nhiều phân số ta có thể làm như sau:

- **Bước 1:** Tìm một bội chung của các mẫu số (thường là BCNN) để làm mẫu số chung.
- **Bước 2:** Tìm thừa số phụ của mỗi mẫu số (bằng cách chia mẫu số chung cho từng mẫu số riêng).
- **Bước 3:** Nhân tử số và mẫu số của mỗi phân số với thừa số phụ tương ứng.

Ví dụ:

1) Quy đồng mẫu các phân số sau:

a) Có $BCNN(12, 30) = 60$.

$$\frac{5}{12} = \frac{5 \cdot 5}{12 \cdot 5} = \frac{25}{60}$$

$$\frac{7}{30} = \frac{7 \cdot 2}{30 \cdot 2} = \frac{14}{60}$$

b) Có $BCNN(2, 5, 8) = 40$

$$\frac{1}{2} = \frac{1.20}{2.20} = \frac{20}{40}$$

$$\frac{3}{5} = \frac{3.8}{5.8} = \frac{24}{40}$$

$$\frac{5}{8} = \frac{5.5}{8.5} = \frac{25}{40}$$

2) Thực hiện các phép tính sau:

a) Có: BCNN(6, 8) = 24

$$\frac{1}{6} + \frac{5}{8} = \frac{1.4}{6.4} + \frac{5.3}{8.3} = \frac{4}{24} + \frac{15}{24} = \frac{19}{24}$$

b) Có: BCNN(24, 30) = 120

$$\frac{11}{24} - \frac{7}{30} = \frac{11.5}{24.5} + \frac{7.4}{30.4} = \frac{55}{120} + \frac{28}{120} = \frac{83}{120}$$

DẶN DỒ :

- Về nhà làm bài tập 1; 2, 3, 4, 5 vào vở bài tập.
- Ghi chép bài học trên vào vở bài học
- Xem trước bài 14

HƯỚNG DẪN VÀ ĐÁP ÁN BÀI TẬP:

Bài 1 :

a) $6 = 2.3$

$$14 = 2.7$$

$$\text{BCNN}(6, 14) = 42$$

$$\Rightarrow \text{BC}(6, 14) = \text{B}(42) = \{0; 42; 84; 126; \dots\}.$$

b) $6 = 2.3$

$$20 = 2^2.5$$

$$30 = 2.3.5$$

$$\text{BCNN}(6, 20, 30) = 60$$

$$\Rightarrow \text{BC}(6, 20, 30) = \text{B}(60) = \{0; 60; 120; 180; 240; \dots\}.$$

c) Vì hai số 1 và 6 là hai số nguyên tố cùng nhau

$$\Rightarrow \text{BCNN}(1, 6) = 6.$$

d) $10 = 2.5$

$$12 = 2^2.3$$

$$\Rightarrow \text{BCNN}(10, 1, 12) = 2^2 \cdot 3 \cdot 5 = 60.$$

e) Vì hai số 7 và 14 là hai số nguyên tố cùng nhau

$$\Rightarrow \text{BCNN}(5, 14) = 5 \cdot 14 = 70$$

Bài 2 :

a) $A = \{0; 48; 96; 144; 192; \dots\}$

- *Nhận xét:* Tập hợp $\text{BC}(12, 16)$ chính là tập hợp A.

b)

i. $24 = 2^3 \cdot 3$

$$36 = 2^2 \cdot 3^2$$

$$\text{BCNN}(24, 36) = 2^3 \cdot 3^2 = 72$$

$$\Rightarrow \text{BC}(24, 36) = \text{B}(72) = \{0; 72; 144; 216; \dots\}.$$

ii. $42 = 2 \cdot 3 \cdot 7$

$$60 = 2^2 \cdot 3 \cdot 5$$

$$\text{BCNN}(42, 60) = 420$$

$$\Rightarrow \text{BC}(42, 60) = \text{B}(420) = \{0; 420; 840; 1260; \dots\}.$$

iii. $60 = 2^2 \cdot 3 \cdot 5$

$$150 = 2 \cdot 3 \cdot 5^2$$

$$\text{BCNN}(60, 150) = 2^2 \cdot 3 \cdot 5^2 = 300$$

$$\Rightarrow \text{BC}(60, 150) = \text{B}(300) = \{0; 300; 600; 900; 1200; \dots\}.$$

iv. $28 = 2^2 \cdot 7$

$$35 = 5 \cdot 7$$

$$\text{BCNN}(28, 35) = 2^2 \cdot 5 \cdot 7 = 140$$

$$\Rightarrow \text{BC}(28, 35) = \text{B}(140) = \{0; 140; 280; 420; 560; \dots\}.$$

Bài 4:

a) Có: $\text{BCNN}(15, 10) = 30$

$$\frac{11}{15} + \frac{9}{10} = \frac{11 \cdot 2}{15 \cdot 2} + \frac{9 \cdot 3}{10 \cdot 3} = \frac{22}{30} + \frac{27}{30} = \frac{49}{30}$$

b) Có: $\text{BCNN}(6, 9, 12) = 36$

$$\frac{5}{6} + \frac{7}{9} + \frac{11}{12} = \frac{5 \cdot 6}{6 \cdot 6} + \frac{7 \cdot 4}{9 \cdot 4} + \frac{11 \cdot 3}{12 \cdot 3} = \frac{30}{36} + \frac{28}{36} + \frac{33}{36} = \frac{91}{36}$$

c) Có: $\text{BCNN}(24, 21) = 168$

$$\frac{7}{24} - \frac{2}{21} = \frac{7.7}{24.7} - \frac{2.8}{21.8} = \frac{49}{168} - \frac{16}{168} = \frac{33}{168} = \frac{11}{56}$$

d) Có: BCNN (36, 24) = 72

$$\frac{11}{36} - \frac{7}{24} = \frac{11.2}{36.2} - \frac{7.3}{24.3} = \frac{22}{72} - \frac{21}{72} = \frac{1}{72}$$

Bài 5 :

Gọi Số bông sen chị Hòa có là: x (bông)

Theo đề bài ta có: $x : 3$; $x : 5$; $x : 7$ và $200 \leq x \leq 300$

$\Rightarrow x \in BC(3, 5, 7)$ và $200 \leq x \leq 300$

Ta có: $3 = 3$

$$5 = 5$$

$$7 = 7$$

$$BCNN(3, 5, 7) = 3 . 5 . 7 = 105$$

$$\Rightarrow x \in BC(3, 5, 7) = B(105) = \{ 0; 105; 210; 315; \dots \}$$

mà $200 \leq x \leq 300$

$$\Rightarrow x = 210$$

Vậy số bông sen chị Hòa có 210 bông.

MÔN: NGŨ VĂN 6

BÀI 2

MIỀN CỔ TÍCH

VĂN BẢN: SỢ DỪA

1. Trải nghiệm cùng văn bản.

a. Đọc

- Đọc chú thích
- Đọc diễn cảm

b. Tóm tắt văn bản

2. Suy ngẫm và phản hồi

a. Cốt truyện

- Bà mẹ đi hái củi, uống nước trong sọ dừa rồi có mang, sinh ra Sọ Dừa.
- Sọ Dừa xin đi chăn bò ở nhà phú ông để phụ giúp mẹ già.
- Ở nhà phú ông, Sọ Dừa gặp được cô út và kết hôn với cô, trút bỏ lột xấu xí.
- Sọ Dừa chăm lo học hành, đỗ trạng và đi sứ.
- Hai người chị hại em, đẩy vợ Sọ Dừa xuống biển.
- Nhờ làm theo lời dặn của chồng, người vợ thoát nạn và sống trên đảo hoang.
- Sọ Dừa đi sứ về, hết sức vui mừng khi gặp lại vợ trên đảo.
- Hai người chị xấu hổ bỏ đi biệt xứ.

-> Cốt truyện theo trình tự thời gian

b. Tìm hiểu về nhân vật

- Kiểu nhân vật

+ Nhân vật bất hạnh: người mang lột vật.

- Đặc điểm nhân vật

tt	Hành động của Sọ Dừa	Phẩm chất
1	<i>Xin đi chăn bò, không quản nắng mưa</i>	Tự trọng, nghị lực, siêng năng, chăm chỉ
2	Giục mẹ hỏi cưới con gái phú ông	Tự tin, biết khát vọng về hạnh phúc
3	Ngày đêm miệt mài đèn sách, chờ khoa thi	Ham học hỏi, có chí tiến thủ
4	Trước khi chia tay, đưa cho vợ hòn đá, on dao, hai quả trứng và dặn dò	Kĩ lưỡng, chu đáo
...		

-> Nhân vật chủ yếu bộc lộ thông qua chuỗi hành động xuyên suốt tác phẩm, yếu tố ngoại hình, diễn biến tư tưởng, tình cảm ít được chú ý.

c. Yếu tố kì ảo

Các yếu tố kì ảo	Vai trò của các yếu tố kì ảo
VD: Sự ra đời của Sọ Dừa: bà mẹ uống nước từ cái sọ dừa bên gốc cây to và có mang, sinh ra Sọ Dừa không có tay chân, tròn như quả dừa.	- Thể hiện sự cảm thông với nhân vật có số phận thấp hèn trong xã hội xưa. Đồng thời mở ra những tình huống khác thường để phát triển cốt truyện
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

d. Đề tài, chủ đề của truyện

- **Đề tài:** Viết về những con người có khiếm khuyết về hình thể nhưng nỗ lực để làm chủ cuộc sống
- **Chủ đề:** Truyện thể hiện ước mơ, nguyện vọng của nhân dân về sự đổi đời cho người thiệt thòi đau khổ, mơ ước cho sự công bằng xã hội. Người tài giỏi đức độ phải được sống hạnh phúc, còn kẻ ác tham lam sẽ bị trừng trị thích đáng.

e. Bài học

- Qua truyện Sọ Dừa, bài học rút ra là: không nên nhìn nhận, đánh giá con người chỉ qua vẻ bề ngoài mà cần coi trọng phẩm chất, tính cách, vẻ đẹp bên trong tâm hồn của họ.

3. Tổng kết

a. Thể loại:

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích như cốt truyện, nhân vật, lời của người kể chuyện, lời của nhân vật, chủ đề...
- Nhận biết được nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong văn bản và tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.

b. Cách đọc:

- Nắm được tiến trình đọc hiểu văn bản truyện cổ tích và biết cách tóm tắt văn bản tự sự.

4. Luyện tập/ Vận dụng

Bài tập: Hãy tìm ví dụ về một truyện cổ tích kể về người mang vật khác (ngoài SGK) và chỉ ra các yếu tố của truyện cổ tích có trong văn bản đó?

VĂN BẢN: EM BÉ THÔNG MINH

1. Người kể chuyện

- Đây là lời của người kể chuyện vì đây là phần lời người kể đang tường thuật lại sự việc diễn ra.

2. Tìm hiểu về nhân vật

a. Kiểu nhân vật

- Nhân vật thông minh vì:

+ Em bé giải quyết thử thách nhiều lần

+ Giải quyết một cách nhanh nhẹn, nhẹ nhàng...

b. Phẩm chất:

Stt	Thử thách	Kết quả	Phẩm chất
1	Trả lời câu hỏi phi lí của viên quan, khi viên quan hỏi cha cậu cày mỗi ngày được mấy đường	Hỏi vặn lại viên quan: “ <i>Ngựa của ông một ngày đi mấy bước?</i> ”	Thông minh, phản ứng nhanh nhẹn, biện luận đầy thuyết phục nhưng cũng rất hồn nhiên.
2	Nhà vua bắt dân làng cậu bé nuôi trâu đực phải đẻ được con	Lên vào sân rồng khóc um lên: “ <i>Mẹ con chết sớm mà cha không chịu để em bé để chơi với con.</i> ” -> Đưa nhà vua bị gài bẫy phải nói ra sự vô lí	
3	Thịt một con chim sẻ phải dọn thành ba cỗ bàn thức ăn	Đưa cho sứ giả một chiếc kim khâu, xin cho rèn thành một con dao -> Giải đố bằng cách đổi lại.	
4	Xâu sợi chỉ mềm qua đường ruột ốc xoắn dài.	Vừa chơi vừa hát một khúc hát đồng dao để giải đố -> Dùng mẹo dân gian bắt kiến xỏ chỉ	

=> các thử thách trong truyện tạo tình huống thuận lợi cho nhân vật bộc lộ phẩm chất

3. Kết thúc truyện

- Kết thúc truyện có hậu-> đặc điểm nổi bật của thể loại truyện cổ tích

- Kết thúc này phù hợp với diễn biến truyện, hấp dẫn, đúng với mong muốn...

4. Chủ đề

Chủ đề của truyện là đề cao trí thông minh dân gian, trí thông minh được đúc rút từ hiện thực cuộc sống, kinh nghiệm đời sống lao động vô cùng phong phú.

5. Bài học

Việc tích lũy kiến thức, kinh nghiệm thực tế từ hiện thực đời sống rất quan trọng "trăm hay không bằng tay quen". Những điều đó giúp chúng ta có thể giải quyết những tình huống từ thực tiễn mà sách vở không thể cung cấp hết cho chúng ta.

HOẠT ĐỘNG ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

1. Ý nghĩa của chuyện cổ dân gian Việt Nam

- Chuyện cổ nước mình giàu lòng nhân ái: tình thương giữa con người với con người.
- Chuyện cổ nước mình gửi gắm tình thương người bao la và triết lí về niềm tin "*ở hiền gặp lành*".
- Chuyện cổ nước mình đã trở thành hành trang tinh thần: sức mạnh để vượt qua mọi thử thách, đi tới mọi miền quê xa xôi...
- Truyện cổ dân gian chính là nhịp cầu nối liền bao thế hệ, là những câu chuyện mà thế hệ trẻ được đọc để tìm về với cội nguồn thiêng liêng.
- + Nghệ thuật so sánh: "*đời ông cha với đời tôi*" như "*con sông với chân trời đã xa*".
- Cổ tích dạy cho con người nhiều bài học quý giá về phẩm chất, nhân cách tốt đẹp trong cuộc sống.

2. Thông điệp của tác giả

- Kho tàng truyện cổ của nước nhà có giá trị vô cùng quý báu và sẽ còn tồn tại mãi với thời gian.

Viết kết nối với đọc

? Em hãy viết một đoạn văn khoảng 5-7 dòng bày tỏ cảm xúc của mình về kho tàng chuyện cổ của dân tộc, bắt đầu bằng câu: *Tôi yêu chuyện cổ nước tôi...*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

I. New Words:

1. act	(v)	/ækt/	diễn xuất
2. activity	(n)	/æk'tɪvəti/	hoạt động
3. indoor ≠ outdoor	(adj)	/'ɪndɔːr/ /'aʊtdɔːr/	trong nhà ≠ ngoài trời
4. sign up	(v)	/saɪn ʌp/	đăng ký
5. arts and crafts	(n)	/ɑːrt ənd kraːfts/	thủ công mỹ nghệ
5. drama club	(n)	/'draːmə klʌb/	câu lạc bộ kịch

II. Grammar: like + verb-ing

Ex: Student A: Do you like reading books?

Student B: Yes, I do.

III. Exercises:**A. Rewrite the verbs using -ing**

1. singsinging.....
2. draw
3. cut
4. read
5. dance
6. get
7. act

B. Reading.



October 2020
Volume 7, Issue 1

Danliver High School

Danliver High School Library Newsletter

danliverhighschoollibrary.blogspot.com



Home of
the Wolves

School Clubs

We have lots of fun clubs at our school. If you like outdoor activities, the Soccer Club meets at 4 p.m. every Tuesday, with the Tennis Club at the same time on Thursdays. For indoor activities, the Board Games Club starts next week. It is popular so please sign up on the noticeboard. The Book Club welcomes anyone who likes reading. You don't need to sign up but please bring your own copy of *The Secret Garden* with you to the Library at 4 p.m. on Wednesday. Our Arts and Crafts Club is for people who like making things. The cost is \$20 per term for materials.

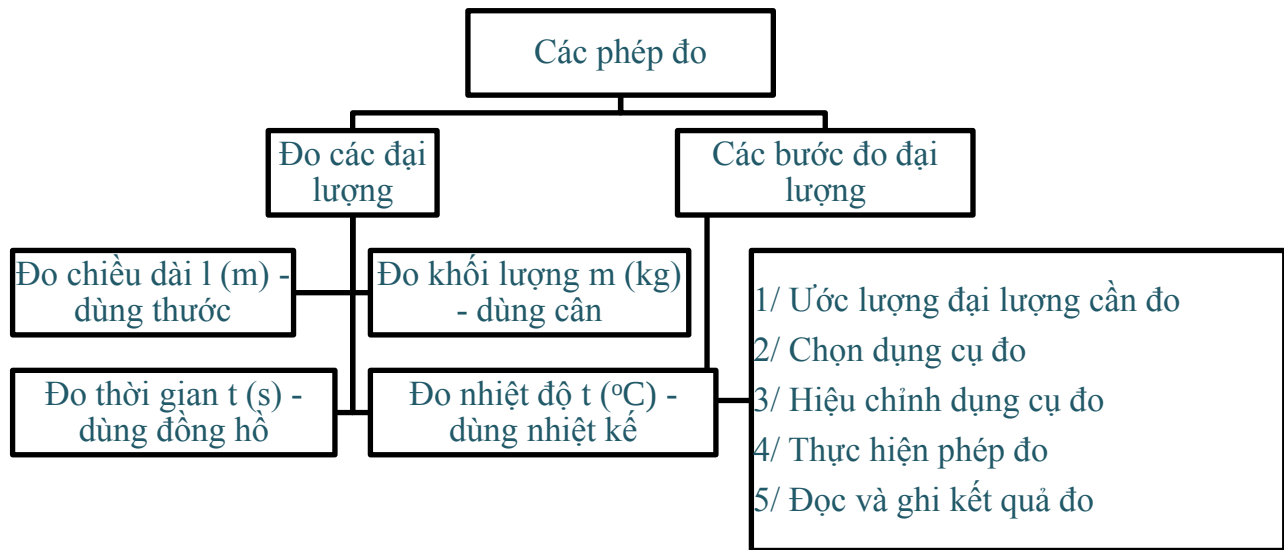
1. Which club is on Tuesdays? _____
2. Which club wants you to sign up on the noticeboard? _____
3. Which club wants you to take something with you? _____
4. Which club needs money? _____

C. Fill in the blanks.

- Mia: There's an art club. Do you like**painting**.....? (paint)
- Penny: No, I don't.
- Mia: Do you like? (do/ outdoor activities)
- Penny: Yes, I do. I like sports.
- Mia: Do you like? (play/ tennis)
- Penny: No, not really.
- Mia: Do you like? (swim)
- Penny: Yes, I do
- Mia: Great. We can sign up for the swimming club.

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 1



Bài 8: SỰ ĐA DẠNG VÀ CÁC THỂ CƠ BẢN CỦA CHẤT.

TÍNH CHẤT CỦA CHẤT

1/ Sự đa dạng của chất

- Chất có ở quanh chúng ta, có trong vật thể.
- Vật thể tự nhiên là những vật thể có sẵn trong tự nhiên.
- Vật thể nhân tạo là những vật thể do con người tạo ra để phục vụ cuộc sống.
- Vật hữu sinh (vật sống) là vật thể có các đặc trưng sống.
- Vật vô sinh (vật không sống) là vật thể không có các đặc trưng sống.

2/ Các thể cơ bản của chất

Chất có thể tồn tại ở 3 thể: rắn (s), lỏng (l), khí (g). Đặc điểm cơ bản của 3 thể:

- Ở thể rắn: Các hạt liên kết chặt chẽ, có hình dạng và thể tích xác định, rất khó bị nén.
- Ở thể lỏng: Các hạt liên kết không chặt chẽ, có hình dạng không xác định, có thể tích xác định, khó bị nén.
- Ở thể khí/ hơi: Các hạt chuyển động tự do, có hình dạng và thể tích không xác định, dễ bị nén.

3/ Tính chất của chất

- Mỗi chất có những tính chất nhất định, không đổi.

- *Tính chất vật lí: Không có sự tạo thành chất mới: màu sắc, trạng thái, tính tan, nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy, tính dẫn điện, dẫn nhiệt, ...*
- *Tính chất hoá học: Có sự tạo thành chất mới: bị phân huỷ, bị đốt cháy, ...*

MÔN LỊCH SỬ

TUẦN 5 TỪ NGÀY 4/10 - 9/10/2021

BÀI 5. SỰ CHUYỂN BIẾN TỪ XÃ HỘI NGUYÊN THỦY SANG XÃ HỘI CÓ GIAI CẤP

1. Sự xuất hiện của công cụ lao động bằng kim loại.

- Vào thiên niên kỉ V TCN, con người phát hiện đồng đỏ khi khai thác đá.
- Đầu thiên niên kỉ II TCN luyện được đồng thau, sắt.
- Công cụ lao động và vũ khí bằng kim loại ra đời.
- Trồng trọt, săn thú, làm nhà phát triển hơn.
- Nhờ quá trình lao động con người đã phát hiện và tạo ra các công cụ lao động ngày càng tiến bộ hơn.

2. Sự chuyển biến trong xã hội nguyên thủy.

- Công cụ kim loại -> sản phẩm dư thừa -> phân hóa giàu – nghèo.
- Quá trình tan rã của xã hội nguyên thủy không đồng đều. Ở phương Đông vẫn bảo lưu tính cố kết cộng đồng.

3. Việt Nam cuối thời kì nguyên thủy.

- Cư dân phát minh ra thuật luyện kim, chế tác công cụ, vũ khí.
- Địa bàn cư trú mở rộng, làm nông nghiệp lúa nước,... xóm làng xuất hiện.

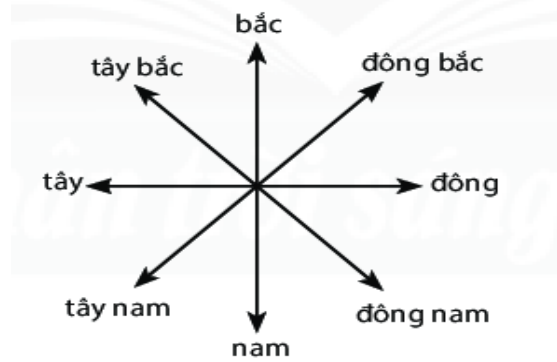


MÔN ĐỊA LÍ

Bài 3: TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ

I. Phương hướng trên bản đồ

- Sử dụng hệ thống kinh tuyến và vĩ tuyến để xác định phương hướng trên bản đồ. Ngoài ra còn dựa vào kim chỉ nam và mũi tên chỉ hướng Bắc trên bản đồ để xác định hướng
- Các hướng chính trên bản đồ là Bắc, Nam, Đông, Tây.



Hình 3.1. Các hướng chính và hướng trung gian.

II. Tỷ lệ bản đồ

- Tỷ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ của khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách trên thực địa.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
1. Có mấy loại tỷ lệ bản đồ? Hãy kể tên và cho ví dụ.
2. Để tính khoảng cách trên thực địa dựa vào tỷ lệ bản đồ, chúng ta cần thao tác như thế nào?
3. Tính khoảng cách trên thực địa giữa A và B với tỷ lệ bản đồ là 1: 25.000, độ dài đo được giữa A và B là 2 cm.

III. Tìm đường đi trên bản đồ

Để tìm đường đi trên bản đồ, ta có thể thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Xác định nơi đi và nơi đến, xác định hướng đi trên bản đồ.

Bước 2: Sử dụng bảng chú giải để tìm các cung đường có thể đi và lựa chọn cung đường thích hợp với mục đích (ngắn nhất, thuận lợi nhất), đảm bảo tuân thủ theo quy định của luật an toàn giao thông.

Bước 3: Dựa vào tỉ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thực tế sẽ đi.

BÀI GHI LỚP 6 MÔN GDCD

Tuần 5 (04/10 -09/10/21)

BÀI 2: YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI (TIẾT 2)

I. Thông tin – sự kiện: HS đọc và phân tích thông tin trong Sgk

II. Nội dung bài học:

c. Ý nghĩa của yêu thương con người

- Tình yêu thương con người mang lại niềm vui, sự tin tưởng vào bản thân và cuộc sống.
- Giúp con người có thêm sức mạnh vượt qua khó khăn, hoạn nạn; làm cho mối quan hệ giữa con người với con người thêm gần gũi, gắn bó.
- Góp phần xây dựng cộng đồng an toàn, lành mạnh và tốt đẹp hơn.
- Được mọi người yêu quý và kính trọng, yêu thương con người là truyền thống quý báu của dân tộc, cần được giữ gìn và phát huy...

d. Rèn luyện:

- Quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với những người có hoàn cảnh khó khăn
- Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện
- Lên án, phản đối thái độ thờ ơ, lạnh nhạt, vô cảm, sống độc ác...

III. Luyện tập :

- HS làm các bài tập SGK
- Xử lý bài tập tình huống

IV. Dặn dò:

- Học phần nội dung bài học.
- Làm Bài tập / SGK
- Chuẩn bị tiết 2

BÀI TẬP

1. Tình huống:

- Tình huống 1: Hai bài kiểm tra một tiết trong buổi học chiều nay làm Minh vô cùng căng thẳng, về đến nhà, Minh muốn đi chơi với các bạn nhưng thấy mẹ đang tất bật nấu cơm; bố đi làm về với gương mặt mệt mỏi. Minh không biết phải làm sao?

Câu hỏi: Nếu là Minh em sẽ làm gì trong tình huống trên ?

- Tình huống 2: Hôm qua, Bình phát hiện gia đình Giang có hoàn cảnh rất khó khăn: bố Giang mất sớm, mẹ bị tai nạn phải nằm một chỗ. Giang và mẹ ở cùng với bà ngoại cũng đã già yếu. Bình rất xúc động và băn khoăn.

Câu hỏi: Nếu là Bình em sẽ làm gì để giúp đỡ bạn Giang ?

- Tình huống 3: Hôm kia, Bảo đã thống nhất với bố mẹ sẽ quyên góp ủng hộ các gia đình bị thiệt hại bởi lũ lụt một số tiền. Sáng nay, Thảo và Quyền rủ Bảo chơi điện tử ở tiệm game mới mở. Bảo không biết phải làm sao?

Câu hỏi : Nếu là Bảo em sẽ làm gì trong tình huống trên ?

2. Thực hiện hành động yêu thương.

- Em hãy thực hiện một việc làm thể hiện tình yêu thương đối với người thân trong gia đình và chia sẻ trước lớp.
 - Em hãy thực hiện một hành động hay một lời nói cụ thể thể hiện tình yêu thương với bạn bè, thầy cô trong lớp em.
3. Em hãy kể tên những hoạt động, phong trào có ý nghĩa lan toả tình yêu thương con người ở trường. Em sẽ có những hành động cụ thể như thế nào để hưởng ứng những hoạt động, phong trào của trường hoặc ở địa phương em?

4. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1: Câu tục ngữ: “Bầu ơi thương lấy bí cùng/Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn” nói đến điều gì?

- A. Tinh thần đoàn kết.
- B. Lòng yêu thương con người.
- C. Tinh thần yêu nước.
- D. Đức tính tiết kiệm.

Câu 2: Trên đường đi học, em thấy bạn cùng trường bị xe hỏng phải dắt bộ, trong khi đó chỉ còn 15 phút nữa là vào lớp. Trong tình huống này em sẽ làm gì?

- A. Phóng xe thật nhanh đến trường không sẽ muộn học.
- B. Coi như không biết vì không liên quan đến mình.
- C. Đèo bạn mang xe đi sửa sau đó đèo bạn đến trường.
- D. Trêu tức bạn.

Câu 3 : Hành động nào là biểu hiện của yêu thương con người?

- A. Khuyến góp quần áo cho học sinh vùng cao.
- B. Gặt lúa giúp gia đình người già.
- C. Tặng chăn ấm cho gia đình nghèo trong thôn.
- D. Cả A,B,C.

Câu 4 : Hành động nào là biểu hiện không yêu thương con người?

- A. Đánh chửi bố mẹ.
- B. Đánh thầy giáo.
- C. Đánh bạn cùng lớp vì không cho chép bài.
- D. Cả A,B,C.

Câu 5: Yêu thương con người là gì?

- A. Quan tâm người khác.
- B. Giúp đỡ người khác.
- C. Làm những điều tốt đẹp cho người khác.
- D. Cả A,B,C.

MÔN CÔNG NGHỆ 6

BÀI 5: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TRONG GIA ĐÌNH (Tiết 1)

I/ Bảo quản thực phẩm :

1.Vai trò và ý nghĩa của việc bảo quản thực phẩm :

- Ngăn chặn sự xâm nhập và phát triển của vi sinh vật gây hại.
- Làm chậm quá trình hư hỏng của thực phẩm.
- Đảm bảo được giá trị dinh dưỡng của thực phẩm.
- Tạo sự thuận tiện trong việc sử dụng và chế biến.

2. Các phương pháp bảo quản thực phẩm :

- Thực phẩm được bảo quản bằng các phương pháp : sấy khô, ướp lạnh, cấp đông, ngâm giấm, ướp muối, muối chua, hút chân không , ...,v,v
- Tùy từng loại thực phẩm và điều kiện bảo quản mà lựa chọn phương pháp bảo quản cho phù hợp

MĨ THUẬT 6 Tuần 5

Bài 3: Tranh in hoa, lá

1. KHÁM PHÁ TRANH IN HOA LÁ



1



2

- Tranh in hoa lá được tạo ra bằng cách in bằng các vật liệu như: Lá, tấm bông, quả, rau củ... có hình đẹp lên giấy
- Màu sắc có đậm, có nhạt vui mắt
- Có thể dùng gam màu nóng hoặc lạnh

2. CÁCH TẠO BỨC TRANH IN HOA LÁ



- Lựa chọn hoặc tạo những vật liệu có bề mặt nổi làm khuôn in.



- Bôi màu vào một mặt hoa lá, dụng cụ và in hình lên giấy để tạo bức tranh.



- In thêm hình, màu tạo sự hài hoà và nhịp điệu cho bức tranh.



- Hoàn thiện bức tranh.

3. TẠO BỨC TRANH IN HOA LÁ:

- Chọn khuôn in bằng vật có sẵn hoặc tự tạo.
- Thực hiện in tranh hoa lá tùy thích.

MÔN ÂM NHẠC – NGHỆ THUẬT 6

Lớp 6 / Tuần 5: Từ ngày 04/10 đến 09/10/2021.

Chủ đề 2: Bài Ca hòa bình

Tiết 5: Học Hát: Tiếng chuông và ngọn cờ

1. Tìm hiểu bài hát



HÁT

TIẾNG CHUÔNG VÀ NGỌN CỜ

Nhịp đi

Nhạc và lời: Phạm Tuyên

Trái đất thân yêu lòng chúng em xiết bao tự hào.
Thế giới quanh em bừng sáng lên mỗi sớm bình minh.

Một quả cầu đẹp tươi lung linh giữa trời sao. Trái đất chính
Bàn tay em điểm tô cho trái đất đẹp xinh. Thế giới muốn

là nhà bao gần bó thiết tha. Và bạn nhỏ gần
hoà bình và chán ghét chiến tranh. Cùng hoà chung tiếng

xa đầy chính giá đĩnh của ta. Boong bính boong hồi chuông
hát chúng em có chung niềm tin.

ngân vang khắp nơi. Trong khúc ca đầy tình yêu thương sáng
ngời. Boong bính boong cờ bay giữa tiếng chuông ngân. Hãy phất cao

1. lên lá cờ hoà bình. 2. cờ của ta.

Tìm hiểu bài hát

Tiếng chuông và ngọn cờ được nhạc sĩ Phạm Tuyên sáng tác năm 1985 để hưởng ứng phong trào quốc tế thiếu nhi *Ngọn cờ hoà bình*. Bài hát gồm hai đoạn nhạc, nói lên ước vọng của tuổi thơ mong muốn cuộc sống hoà bình, hữu nghị, đoàn kết giữa các dân tộc trên toàn thế giới.

- Qua phân nghe và tìm hiểu bài hát *Tiếng chuông và ngọn cờ*, em hãy chỉ ra đoạn 1 và 2 của bài.
- Hát bài *Tiếng chuông và ngọn cờ* với tính chất nhịp đi của thể loại hành khúc; thể hiện sự khoẻ khoắn ở đoạn 1, trong sáng, tự hào ở đoạn 2.
- Em cần làm gì để thể hiện tinh thần đoàn kết, yêu chuộng hoà bình?

2- Học hát

Tiếng chuông và ngọn cờ

Nhạc và lời: PHẠM TUYÊN

- Bài hát viết nhịp 2
4
- Bài hát gồm 2 đoạn:
 - + Đoạn 1: “ Trái đất ... của ta” – viết giọng Rê thứ
 - + Đoạn 2: “Boong ta” – Viết giọng Rê trưởng
- Bài hát nói lên ước vọng của tuổi thơ mong muốn cuộc sống hoà bình, hữu nghị, đoàn kết giữ các dân tộc trên toàn thế giới

NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT 6 - TUẦN 5

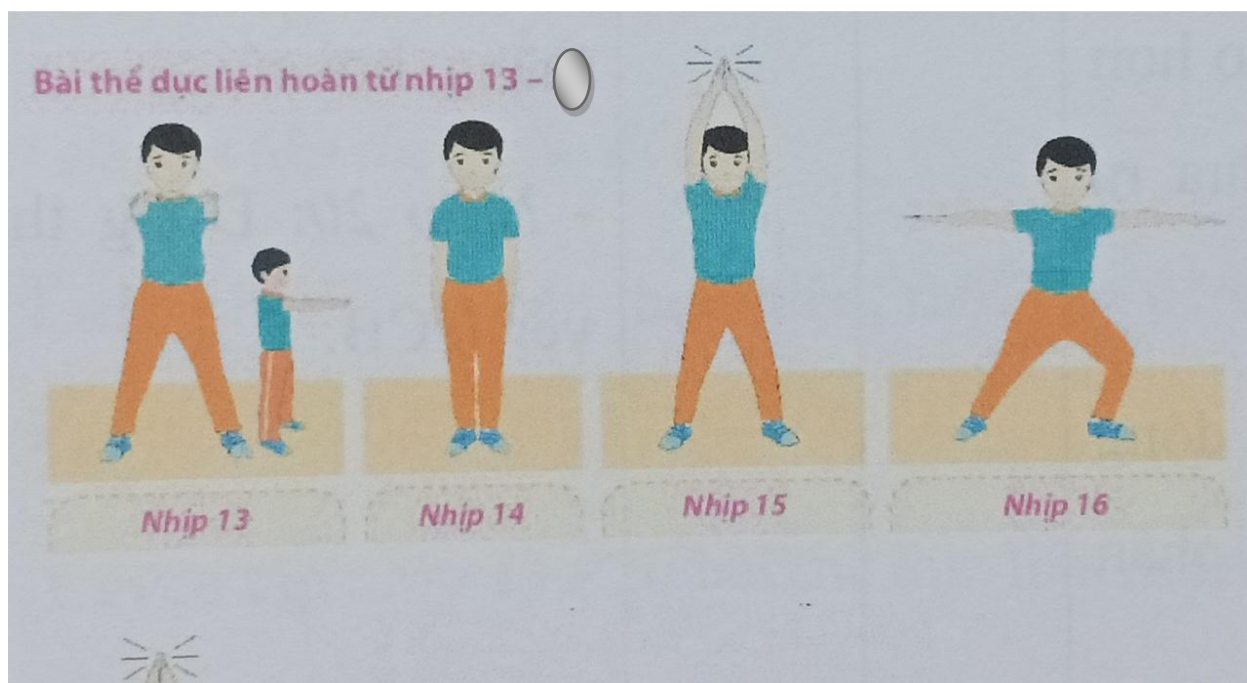
BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN

(Hướng dẫn HS tự học)

I. BÀI THỂ DỤC LIÊN HOÀN:

Động tác từ nhịp 13 – nhịp 16: (xem Hình)

· Tư thế chuẩn bị (TTCB): Tư thế đứng cơ bản.



· Nhịp 13: từ TTCB, 2 chân bật tách rộng hơn vai, đồng thời 2 tay đưa ra trước, lòng bàn tay sấp.

· Nhịp 14; bật thu về TTCB.

· Nhịp 15: 2 chân bật tách rộng hơn vai, đồng thời 2 tay đưa sang ngang lên cao, 2 bàn tay vỗ vào nhau.

· Nhịp 16: chân trái khụy sang trái, chân phải duỗi thẳng, đồng thời 2 tay dang ngang, lòng bàn tay sấp.

II. Tập thể lực: đứng lên ngồi xuống 30 giây làm 3 lần.

TIN HỌC 6

TUẦN 5 (4/10/2021 ĐẾN 9/10/2021)

CHỦ ĐỀ A. MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG

Bài 5. DỮ LIỆU TRONG MÁY TÍNH

1. Biểu diễn số để tính toán trong máy tính

- Số tạo thành từ cách biểu diễn chỉ dùng hai kí hiệu “0” và “1” như vậy được gọi là *Số nhị phân*.

- Máy tính dùng dãy bit để biểu diễn các số trong tính toán.

2. Dữ liệu và các bước xử lý thông tin trong máy tính

- Mọi dữ liệu trong máy tính đều là dãy bit (bit kí hiệu là “b”). Với máy tính, thông tin và dữ liệu số là một, đều chỉ là các dãy bit.

- Chu trình xử lý thông tin của máy tính: Xử lý đầu vào → xử lý dữ liệu → xử lý đầu ra.

3. Dung lượng lưu trữ dữ liệu của một số thiết bị thường gặp

- Dung lượng lưu trữ: khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ.

- Byte: 1 dãy 8 bit liên nhau.

- Các đơn vị đo lường dữ liệu:

Viết là	Đọc là	Xấp xỉ
KB (Kilobyte)	Ki-lô-bai	Một nghìn byte
MB (Megabyte)	Mê-ga-bai	Một triệu byte
GB (Gigabyte)	Gi-ga-bai	Một tỉ byte
TB (Terabyte)	Tê-ra-bai	Một nghìn tỉ byte